

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm điểm ngay khi mới mở cửa và dành cả ngày giằng co trong vùng 1,755 – 1,785 trước khi lùi xuống đóng cửa tại mốc 1,755.49 điểm, giảm hơn 27 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hàng cá nhân & gia dụng giảm mạnh gần 5%, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Tài nguyên cơ bản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Đà bán có xu hướng gia tăng trước kỳ nghỉ Tết, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tất cả hợp đồng tương lai đều giảm trong phiên hôm nay.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/02/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-27.07** điểm, đóng cửa tại **1755.49** điểm. HNX-Index **-6.76** điểm, đóng cửa tại **256.28** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.60)**, **VIC (+1.51)**, **GEL (+1.32)**, **LPB (+0.59)**, **MBB (+0.53)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-5.65)**, **CTG (-1.95)**, **HPG (-1.21)**, **VPL (-1.12)**, **HDB (-1.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **32,166** tỷ đồng, tăng **32.18%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 35,539 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.85 điểm. Thị trường có **84** mã tăng, 40 mã tham chiếu, **254** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-919.14** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (-610.25 tỷ)**, **VIC (-314.15 tỷ)**, **HDB (-195.17 tỷ)**, **ACB (-180.92 tỷ)**, **FPT (-137.31 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **83.00** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-2.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBB (+1.11%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+0.61%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+0.52%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-2.62%**. Các mã diễn biến tích cực:
GAS (+2.68%) [\(Link báo cáo\)](#)
LPB (+2.20%) [\(Link báo cáo\)](#)
BAF (+1.06%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-2.21%	-2.62%	-1.52%	-1.30%
1 tuần	-3.391%	-1.42%	-4.02%	-4.25%
1 tháng	4.08%	1.55%	-5.70%	-7.30%
3 tháng	11.18%	2.53%	9.78%	6.52%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,755.49	256.28	125.51
% 1D	-1.52%	-2.57%	-2.40%
GTKL (tỷ VND)	32,166	2,445	920
%1D	32.18%	40.46%	-27.04%
GDNN (tỷ VND)	-919.14	83.00	-0.16

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	441.64	VCB	-610.25
HPG	200.16	VIC	-314.15
STB	153.71	HDB	-195.17
BSR	136.01	ACB	-180.92
VNM	124.94	FPT	-137.31

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,798	-1.23%	-2.45%
FTSE100	10,311	0.02%	0.86%
Eurostoxx	5,947	0.50%	-0.18%
Shanghai	4,066	-0.25%	-1.27%
Nikkei	54,295	0.89%	1.82%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

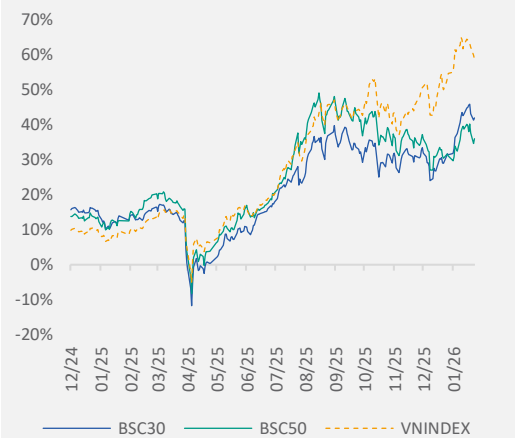
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.24	1.01%
Giá vàng	4,879	2.30%

Tỷ giá		
USD/VND	26,150	
EUR/VND	31,376	-0.07%
JPY/VND	170	0.59%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	
LS LNH 1M	9.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	115.00	2.68%	1.60	2.41
VIC	131.00	0.69%	1.51	7.73
GEL	34.55	19.97%	1.32	0.89
LPB	41.90	2.20%	0.59	2.99
MBB	27.35	1.11%	0.53	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	48.30	0.63%	0.07	0.38
PRE	22.60	2.73%	0.04	0.10
TFC	46.40	5.22%	0.02	0.02
HJS	28.60	6.32%	0.02	0.02
DHT	69.40	0.58%	0.02	0.09

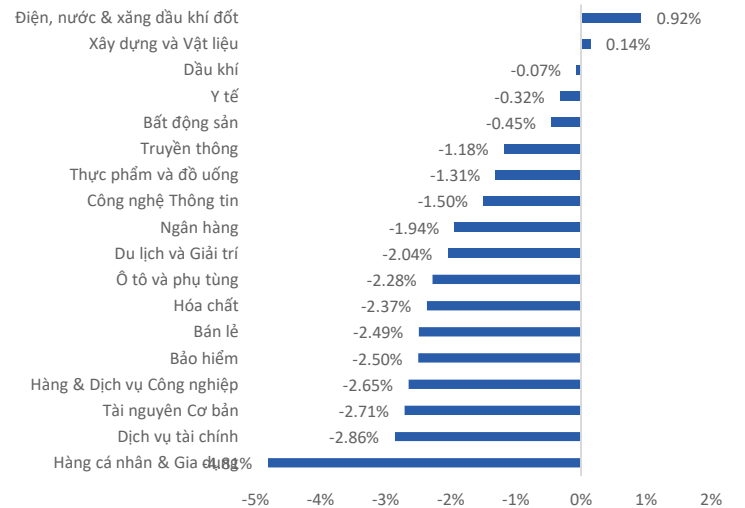
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCO	9.94	7.00%	0.00	6.48
CLL	32.25	5.74%	0.01	0.02
SBA	29.00	3.39%	0.01	0.03
VSC	22.30	3.24%	0.06	14.19
DRH	2.94	3.16%	0.00	2.58

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BXH	12.20	9.91%	0.01	0.02
CAG	6.80	9.68%	0.04	0.01
CET	9.50	7.95%	0.02	0.01
HJS	28.60	6.32%	0.15	0.00
TFC	46.40	5.22%	0.16	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	65.10	-4.82%	-5.65	8.36
CTG	37.40	-3.11%	-1.95	7.77
HPG	26.80	-2.72%	-1.21	7.68
VPL	83.00	-3.49%	-1.12	1.79
HDB	26.50	-3.81%	-1.09	5.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	169.30	-9.99%	-1.96	0.20
KSF	81.20	-3.91%	-1.65	0.90
PVI	87.00	-6.25%	-0.74	0.23
HUT	15.70	-6.55%	-0.64	1.07
SHS	17.90	-4.79%	-0.45	0.90

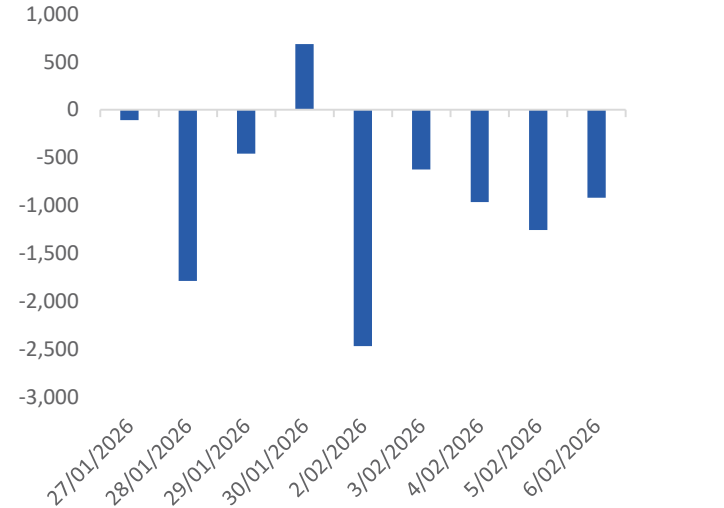
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	7.61	-6.97%	-0.01	0.00
MSH	37.70	-6.91%	-0.06	1.35
TCR	3.25	-6.88%	0.00	0.00
VGC	53.00	-6.85%	-0.35	3.58
PHR	58.80	-6.81%	-0.12	1.76

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	169.30	-9.99%	-13.24	0.16
INC	11.80	-9.92%	-0.01	0.00
AMC	13.80	-9.80%	-0.02	0.00
PMC	131.80	-9.73%	-0.47	0.01
ALT	12.10	-9.70%	-0.03	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	88.4	-2.0%	1.2	129,812	1454.4	4,777	18.5	106,000	47.3%	Link
KBC	Bất động sản	34.2	-5.0%	1.1	32,208	270.5	2,500	13.7	46,000	11.2%	Link
KDH	Bất động sản	25.4	-4.5%	1.3	28,504	193.5	943	26.9	39,900	27.1%	Link
PDR	Bất động sản	17.0	-2.6%	1.5	16,963	153.8	531	32.0	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	97.5	-0.1%	1.2	400,473	1061.4	10,008	9.7	119,600	8.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	97.6	-1.4%	0.6	166,262	1067.6	5,511	17.7	118,700	40.0%	Link
BSR	Dầu khí	24.6	0.6%	0.0	122,929	763.2	1,036		23,200	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	44.4	-2.6%	1.6	22,707	730.9	3,560	12.5	42,800	15.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.5	-2.8%	1.3	24,299	233.8	1,454	15.5		33.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	29.9	-3.6%	1.2	74,484	1138.0	2,032	14.7		32.6%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	34.3	-5.1%	1.2	29,116	509.6	1,849	18.5		17.3%	Link
DCM	Hóa chất	38.8	0.5%	1.2	20,541	249.9	3,618	10.7	47,300	3.9%	Link
DGC	Hóa chất	65.3	-3.6%	1.1	24,800	337.8	7,965	8.2	109,300	5.6%	Link
ACB	Ngân hàng	23.0	-1.9%	0.9	118,143	562.4	3,042	7.6	28,400	27.9%	Link
CTG	Ngân hàng	37.4	-3.1%	1.1	290,484	943.5	4,454	8.4	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	26.5	-3.8%	1.2	132,640	1162.4	3,432	7.7	34,400	22.9%	Link
MBB	Ngân hàng	27.4	1.1%	1.1	220,304	1476.8	3,325	8.2	29,300	22.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	-0.8%	1.0	37,440	772.7	1,804	6.7	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	61.5	-1.3%	1.0	115,941	1134.4	3,150	19.5		14.4%	Link
TCB	Ngân hàng	34.6	-0.7%	1.0	245,184	592.7	3,577	9.7	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.8	-1.8%	1.1	46,604	152.4	2,660	6.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	65.1	-4.8%	0.9	543,954	1640.7	4,210	15.5	73,200	21.1%	Link
VIB	Ngân hàng	16.7	-2.6%	0.9	56,847	140.7	2,143	7.8	23,000	4.8%	Link
VPB	Ngân hàng	26.8	-2.2%	1.0	212,629	542.2	3,024	8.9	36,500	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-2.7%	1.1	205,702	1928.2	2,013	13.3	33,170	20.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.6	-3.4%	1.2	9,687	73.4	1,012	15.4	19,800	4.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.2	-4.4%	1.2	10,449	301.9	3,915	6.9	28,800	2.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.2	-1.5%	1.2	113,071	751.5	2,710	28.9	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	69.1	0.0%	0.7	144,416	464.9	4,503	15.4	64,500	50.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	53.5	0.00%	1.2	11,833	307.6	2,494	21.5	22.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	160.4	-5.65%	0.8	27,316	235.9	4,667	34.4	32.4%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	78.0	-1.89%	1.2	57,901	135.3	3,996	19.5	27.0%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	15.3	-3.77%	1.3	12,185	185.9	990	15.5	2.7%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	14.3	-4.98%	1.4	15,907	276.4	229	62.6	22.0%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	21.1	-4.54%	1.2	4,205	71.4	2,559	8.2	1.6%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	26.1	-3.69%	1.4	9,656	64.2	1,907	13.7	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	48.3	0.62%	1.4	18,330	290.8	5,090	9.5	13.8%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	27.1	-5.42%	1.2	13,122	138.8	1,805	15.0	42.4%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	60.0	-4.00%	1.0	14,527	61.7	5,601	10.7	2.8%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	35.1	-5.01%	1.0	6,309	123.8	1,917	18.3	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.7	-4.55%	1.3	13,408	79.4	416	35.4	10.0%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	131.0	0.69%	1.1	1,009,490	1026.0	1,739	75.3	2.8%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	28.1	-2.60%	1.1	63,739	245.3	2,837	9.9	12.0%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	34.8	-2.39%	1.2	8,093	24.1	1,700	20.5	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	57.0	-0.70%	1.0	72,424	581.7	2,122	26.9	15.1%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	32.9	-2.09%	1.0	18,261	472.3	1,866	17.6	12.0%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	31.9	-2.30%	1.2	11,036	41.6	1,161	27.4	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	25.7	-3.38%	1.7	17,149	146.4	1,886	13.6	0.6%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	115.0	2.68%	1.1	277,489	452.6	4,730	24.3	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.5	-4.93%	1.2	41,416	393.8	837	16.1	4.9%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.3	-1.29%	0.7	33,204	39.9	4,668	13.1	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	166.0	-0.30%	1.0	98,207	207.6	3,728	44.5	6.7%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34.3	-6.16%	1.4	30,907	357.0	1,635	21.0	8.5%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	71.5	0.56%	1.1	30,494	306.2	3,986	17.9	38.5%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.6	-0.17%	1.0	9,726	96.9	6,258	9.2	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	-3.91%	1.1	9,822	127.0	2,210	9.5	10.9%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	110.6	0.55%	0.9	13,469	108.0	3,325	33.3	5.7%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	108.9	-6.28%	1.1	37,151	555.2	8,353	13.0	48.3%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.5	-3.11%	1.0	2,969	40.7	2,402	11.0	48.5%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.2	-7.42%	1.4	2,729	93.7	3,163	6.7	17.6%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	24.7	-1.20%	1.0	16,794	172.2	1,579	15.6	4.0%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	39.0	-2.50%	1.2	156,000	231.7	1,406	27.7	0.7%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	20.6	-1.90%	1.3	38,372	214.6	610	33.8	3.0%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	41.9	2.20%	0.4	125,167	78.0	3,824	11.0	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	14.0	-0.71%	0.5	24,020	17.5	2,438	5.7	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.6	-1.28%	0.9	30,758	25.4	1,513	7.6	19.7%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.7	-4.25%	1.2	6,557	108.4	461	31.8	5.2%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.3	-2.50%	1.2	7,269	83.6	3,754	7.3	3.4%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.1	1.06%	0.5	11,568	221.0	341	111.5	4.4%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.8	-2.69%	0.6	62,525	99.1	3,449	14.1	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.0	-5.51%	1.0	13,467	161.3	6,073	9.9	21.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	155.5	-0.70%	0.4	12,729	18.5	15,010	10.4	84.1%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.1	-4.42%	1.1	8,531	102.9	7,388	10.8	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.0	-0.84%	1.1	10,752	81.8	5,244	17.9	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.2	-3.36%	1.3	4,355	44.9	3,241	13.3	10.6%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	-2.82%	1.1	6,593	60.0	1,205	10.0	10.4%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.7	-3.70%	1.0	10,159	184.9	2,553	9.7	14.4%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	18.2	-3.70%	1.1	11,766	152.9	6,084	3.0	3.1%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	53.0	-6.85%	1.3	23,763	191.9	3,130	16.9	3.0%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
2	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
3	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
4	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
5	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
6	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
7	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
9	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
17	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
18	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
19	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>